TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2025/QĐST-VHNGĐ	*UH, ngày 05 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việt dân sự:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*:** Ông Nguyễn Văn Thiện

***Thư ký phiên họp*:** Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án ND huyện UH.

***Đại diện VKSND huyện UH tham gia phiên họp*:**

Ông Nguyễn Gia Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 131/2025/TLST- VHNGĐ ngày 21/4/2025 về việc Hủy kết hôn trái pháp luật và xác lập quan hệ hôn nhân, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 06/2025/QĐST-VHNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây.

1. Người yêu cầu giải quyết: Anh Chu Văn P, sinh năm 1977; Nơi ĐKHKTT: Thôn CK, xã TL, huyện UH, TP. Hà Nội.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ủy ban nhân dân xã TL, huyện UH

Địa chỉ: xã TL, huyện UH, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Nhân – Chủ tịch UBND xã TL, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

2.2. Chị Chu Thị M, sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: Thôn CK, xã TL, huyện UH, TP. Hà Nội.

(*các đương sự đều có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu, anh Chu Văn P trình bày: Ngày 16/03/1995, anh có kết hôn với chị Chu Thị M tại UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL), khi đó do nhận thức và

hiểu biết về pháp luật hạn chế nên anh chị đã khai anh là Chu Văn P - sinh tháng 01/1974, vợ anh là là Chu Thị M – sinh ngày 05/11/1976. Thực tế thì anh sinh ngày 18/02/1977, vợ anh sinh ngày 05/01/1976. Sau khi đăng ký kết hôn, tổ chức cưới xong, vợ chồng chung sống và cũng không để ý gì đến Giấy đăng ký kết hôn. Nay, anh chị mới nhận thấy việc kê khai như vậy là không đúng quy định của pháp luật. Nên anh làm đơn đề nghị Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị M, đồng thời yêu cầu xác lập quan hệ vợ chồng. Về con chung, anh chị có 02 con chung là Chu Văn Q – sinh ngày 22/6/1996; Chu Văn T - sinh ngày 18/11/2001, các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và do anh đề nghị hủy kết hôn để làm thủ tục kết hôn lại nên anh không đề nghị Tòa giải quyết về con chung. Về tài sản và công nợ: anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Anh P có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên họp giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án mở phiên họp vắng mặt anh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã TL, người đại diện theo pháp luật - ông Nguyễn Văn Nhân trình bày: Qua tra cứu sổ lưu tại UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL) thể hiện Chu Văn P - sinh 01/1974 và Chu Thị M - sinh 05/11/1976 đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL) vào ngày 16/03/1995. Nay anh P đề nghị Hủy kết hôn trái pháp luật với lý do anh P sinh ngày 18/02/1977 và chị M sinh ngày 05/01/1976;

Là người đại diện theo pháp luật của UBND xã ông đề nghị Tòa căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

Do công việc của ông rất bận nên ông xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa và cũng xin được vắng mặt tại phiên tòa/phiên họp xét xử/giải quyết vụ án.

Chị Chu Thị M trình bày: Ngày 16/03/1995, chị có kết hôn với anh Chu Văn P tại UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL), khi đó do nhận thức và hiểu biết về pháp luật hạn chế nên anh chị đã khai anh P là Chu Văn P - sinh tháng 01/1974, chị là Chu Thị M – sinh ngày 05/11/1976. Thực tế thì chị sinh ngày 05/01/1976, anh P sinh ngày 18/02/1977. Sau khi đăng ký kết hôn, tổ chức cưới xong, vợ chồng chung sống và cũng không để ý gì đến Giấy đăng ký kết hôn. Nay, anh chị mới nhận thấy việc kê khai như vậy là không đúng quy định của pháp luật. Nay anh P làm đơn đề nghị Tòa hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh P, đồng thời yêu cầu xác lập quan hệ vợ chồng, quan điểm chị đồng ý, đề nghị Tòa giải quyết theo

pháp luật. Về con chung, anh chị có 02 con chung như anh P khai ở trên là đúng, các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh và do anh P đề nghị hủy kết hôn để làm thủ tục kết hôn lại nên chị không đề nghị Tòa giải quyết về con chung. Về tài sản và công nợ: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Chị M có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa/phiên họp xét xử/giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án xét xử/mở phiên họp vắng mặt chị.

Tại phiên họp, anh P, chị M và đại diện UBND xã TL đều có đơn xin vắng mặt và đều không xuất trình thêm bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Trình tự từ khi thụ lý việc dân sự, về quan hệ pháp luật, quá trình thu thập chứng cứ, về thời gian, thời hạn tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, sự trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên họp đã bảo đảm quy định pháp luật, đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của anh P, chị M: Hủy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/1995 của UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL), huyện UH, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) đã cấp cho anh Chu Văn P và chị Chu Thị M và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Chu Văn P - sinh ngày 18/02/1977 với chị Chu Thị M - sinh ngày 05/01/1976 kể từ thời điểm anh P và chị M đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 20/02/1996. Anh P phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Chu Văn P đã nộp đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ theo quy định - căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc hôn nhân và gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện UH.

Trong quá trình xét đơn yêu cầu, Tòa đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp, giải thích quyền và nghĩa vụ cho UBND xã TL; xong tại phiên họp hôm nay, người đại diện cho UBND xã TL đã có đơn xin vắng mặt; anh P và chị M cũng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như: giấy khai sinh của anh P, giấy khai sinh của chị M, xác nhận thông tin về cư trú, giấy Căn cước công dân, đơn xin xác nhận tại Công an xã TL đều thể hiện anh P là Chu Văn P - sinh ngày 18/02/1977; chị M là Chu Thị M - sinh ngày 05/01/1976 và đã được công an xã TL xác nhận tên tuổi thể hiện ở căn cước công dân, Xác nhận thông tin về cư trú, đơn xin xác nhận mới đúng với họ tên, ngày tháng năm sinh là thật của anh P, chị M. Như vậy đã có đủ căn cứ chứng minh tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/3/1995: chị Chu Thị M - sinh ngày 05/01/1976 *(đã đủ tuổi kết hôn)*; anh Chu Văn P - sinh ngày 18/02/1977, anh P được 17 tuổi 11 tháng 28 ngày *(chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn)*, do vậy anh P đã khai sinh tháng 01/1974 và chị M đã khai sinh ngày 05/11/1976 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Xuất phát từ việc UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL) đã đăng ký kết hôn cho anh P, chị M, tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/1995 ghi họ tên chồng là Chu Văn P - sinh tháng 01/1974, họ tên vợ là Chu Thị M - sinh ngày 05/11/1976 đều không đúng ngày tháng năm sinh thực của anh P, chị M. Việc đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 có quy định "*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên".* Như vậy có căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/3/1995 anh P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; việc UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL) đã đăng ký kết hôn cho anh P, chị M là sai *(do nhận thức của cán bộ hoặc do cẩu thả)*, đã cấp giấy đăng ký kết hôn trái với quy định của pháp luật. Nay, anh P có đơn yêu cầu Tòa hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Anh P, chị M đều xác định anh chị đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tài sản chung nhưng vì ngày tháng năm sinh của hai anh chị không trùng khớp nhau nên đã ảnh hưởng đến việc giao dịch dân sự trong cuộc sống của anh chị. Anh P và chị M đều thống nhất đề nghị Tòa công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm anh P đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư

liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, công nhận quan hệ hôn nhân của anh Chu Văn P và chị Chu Thị M đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 20/02/1996.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh Chu Văn P và chị Chu Thị M đều không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[4] Về lệ phí, quyền kháng cáo: Anh Chu Văn P không phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật. Anh Chu Văn P phải nộp tiền lệ phí yêu cầu xác lập quan hệ nhôn nhân theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016; Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 1986); khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 244, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của anh Chu Văn P.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/3/1995 của UBND xã Hoà Lâm (nay là xã TL), huyện UH, tỉnh Hà Tây *(nay là thành phố Hà Nội)* đã cấp cho anh Chu Văn P và chị Chu Thị M.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Chu Văn P và chị Chu Thị M.

Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Chu Văn P - sinh ngày 18/02/1977 và chị Chu Thị M - sinh ngày 05/01/1976 đều trú tại thôn CK, xã TL, huyện UH,

thành phố Hà Nội kể từ thời điểm anh Chu Văn P đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 20/02/1996.

Anh Chu Văn P - sinh ngày 18/02/1977 và chị Chu Thị M - sinh ngày 05/01/1976 có quyền, trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Anh Chu Văn P phải nộp lệ phí đối với yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng chẵn)* được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0043025 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện UH, TP. Hà Nội.

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Thiện